

HỘI ÁI-HỮU BIÊN-HOÀ

Website: <https://www.bienhoatx.com>

Email liên lạc: datlam1951@yahoo.com

Hội Ái-Hữu Biên-Hoà hân hạnh giới thiệu đến quý vị bài: **Chuyện Thần Bòboul** của thi hữu **Trần Quốc Bảo** sưu tầm. Hội chân thành cảm tạ quý vị tác giả. Kính mời. **Trân trọng.**



CHUYỆN THẦN BÒBOUL

Gần tới Lễ Giáng-Sinh, kính mời đọc chuyện cũ “Thần BòBoul” cũng đồng thời để tưởng nhớ Cựu Đệ Nhất Phu Nhân Hoa-Kỳ, Bà Rosalynn Carter (1927-2023) mới qua đời, một người giàu lòng nhân ái, đặc biệt quan tâm giúp đỡ người tỵ nạn Cộng-Sản. Bà là một vị ân nhân thật đáng ngưỡng mộ.

Để chuẩn bị cho cuộc thăm viếng Thái-Lan của bà Rosalynn Carter, phu nhân Tổng Thống Hoa-Kỳ, vào đầu tháng 11 năm 1979, Bộ Ngoại Giao và An Ninh Hoa-Kỳ đã phải âm thầm hoạt động trước nhiều tháng trời.

Mục tiêu của cuộc viếng thăm này là bà Rosalynn Carter muốn đích thân quan sát tìm hiểu về thảm cảnh tại các Trại Tị Nạn trên đất Thái-Lan, điều mà báo chí và các hãng thông tấn, truyền hình... đã nhiều lần tường thuật như là một vết thương đại thảm khốc do Cộng-Sản gây ra cho lịch sử nhân loại vào thời bấy giờ.

Chắc chắn ông Carter, vị Tổng Thống mà nụ cười luôn luôn đậu trên môi, một lúc nào đó đã phải chau mày, suy tư về thảm họa kinh hoàng của hàng trăm ngàn người đang sống tại các trại tị nạn Đông-Nam Á. Không một bản tường thuật nào sẽ sống động và thành thật hơn những nhận xét của chính vợ ông, bà Rosalynn.



Cựu Tổng Thống Jimmy Carter và phu nhân, Rosalynn Carter

Vậy nên nhiệm vụ của 14 người trong “Phái Đoàn Tiền Sát” được cử qua Thái-Lan đầu tháng 10, năm 1979 thực là quan trọng. Phái đoàn sẽ đến Thái-Lan như những người du lịch, sẽ tìm hiểu và ghi nhận trước tất cả mọi khía cạnh của vấn đề; một bản phúc trình tỉ mỉ về tị nạn sẽ được thiết lập với những nhận xét và đề nghị thật chuẩn xác, để cuộc tới thăm của bà Đệ Nhất Phu Nhân Hoa-Kỳ sẽ chỉ là duyệt lại các điều mà bà đã biết từ trước.

Riêng tôi, một trong 14 nhân viên của phái đoàn tiền sát, tôi hoàn toàn không hay biết mảy may gì về mục tiêu, mục đích của cuộc ra đi này. Tôi lại cũng mù tịt về mọi lãnh vực ngoại giao và an ninh của Mỹ. Thế mà tôi lại được đi trong phái đoàn, điều mà chính tôi cũng phải ngạc nhiên. Trong 14 người, thì 11 là Mỹ chính hiệu “con nai trắng”, còn 3 ngoại kiều là một cô Cam-Bốt, một giáo sư Thái-Lan và tôi là Việt-Nam tị nạn Cộng-Sản.

Sở dĩ có tên tôi là bởi một sự bất ngờ rất tếu. Tôi có anh bạn trong “Hội Nhà Thờ Bảo Trợ”, tên John, anh này là cựu sĩ quan, trước từng ở Việt-Nam hai năm, làm cố vấn cho đơn vị tôi. Ngẫu nhiên nay gặp lại nhau, anh rất khoái tôi. Thường thường, tụi tôi có các buổi họp mặt weekend là có John. Anh ta cũng ngồi xếp bằng tròn quanh mâm nhậu, bóc lon la-de và nốc một hơi trăm phần trăm y chang như các tay tở trong băng độc thân vậy. John nói được một ít tiếng Việt, ăn được nước mắm, khoái món phở tái, chả giò ... và đôi khi chúng tôi nhậu khan với nhau bằng khô mực nướng, củ kiệu, John cũng xáp vô nhai khô mực ra rít lăm.

Bởi cái chỗ thân tình ấy nên tụi tôi coi John như một người bạn chí thiết. Một lần đang cơn nhậu, John hỏi chúng tôi, ngoài tiếng Mỹ có ai biết nói tiếng Lào không? Tôi phét lác nhận là nói được và xô ra một tràng tiếng Lào lú lo lú lường... làm cho cả bọn

cười bò. Thật tình, tôi có học được một ít tiếng Lào trong thời gian hành quân Hạ-Lào, lâu không nói thì nay cũng đã quên nhiều, nói bậy bạ dõn chơi thì được, chớ còn phiên dịch thông ngôn thì không nổi.

Thế mà nửa tháng sau tôi nhận được giấy mời lên Văn Phòng Ngoại Giao. Người tiếp tôi chính là John. Anh ta nói muốn dành cho tôi cơ hội để về thăm miền Đông-Nam Á trong nhiệm vụ tiền sát như đã nói trên. Tôi thú thật với John tôi quá kém về Lào ngữ. Nhưng anh ta trấn tĩnh tôi rằng, có một nữ nhân viên Cam-Bốt nói tiếng Lào giỏi sẽ giúp tôi, và có thể phái đoàn cần tôi trong nhiệm vụ giao dịch tiếng Việt nữa.

Chúng tôi đã đến Thái-Lan như những du khách, và đã nhờ Hồng Thập Tự địa phương đưa đến các trại Tạm Cư Tị Nạn. Hai trại lớn mà chúng tôi đã ở lại nhiều ngày là trại U-Thong (phía Tây-Bắc cách Bangkok trên 300 dặm) hiện khi đó có 36 ngàn người Lào tị nạn; và trại Sa-Kaeo nằm trên quốc lộ số 8, cách Bangkok 650 dặm về phía Đông, chứa tới 200 ngàn dân Căm-Bốt tị nạn.

Có ai tưởng tượng được (vào thời điểm năm 1979) chỉ ở một trại tạm cư thôi mà con số những người tị nạn Căm-Bốt đã lớn lao đến thế không? Hàng trăm ngàn người đó đang sống vô cùng thiếu thốn, đói khổ và bệnh tật, ở chui rúc trong các tàng cây, những lều lá xiêu vẹo mà họ gọi là cái nhà. Thiếu thực phẩm, thuốc men, quần áo. Một vài hình ảnh khiến ta có thể tưởng như lớp người đó đang sống ở thời thượng cổ, thời đại sống trong hang hốc, ăn lông, ở lỗ. Sau này, khi bà Rosalynn Carter đến viếng thăm đã phải thốt lên: “Thật quả là thê thảm, những cảnh tượng này tôi chưa hề bao giờ thấy như vậy, đã làm cho tôi xúc động

kinh hoàng.” (“It’s like nothing I ‘ve ever seen, it’s emotionally overwhelming”).

Nếu muốn viết về chuyến đi Thái-Lan của tôi thì sẽ có một chuyện dài, nhưng tôi không thể đưa lên báo bản phúc trình chỉ dành riêng cho vị Đệ Nhất Phu Nhân đọc. Ở đây, tôi muốn kể lại một câu chuyện nhỏ - một kỷ niệm mà mãi mãi tôi không thể quên.

Buổi chiều hôm đó, sau những giờ đã làm việc khá mệt mỏi, chúng tôi chia nhau bánh mì và thịt hộp để ăn bữa tối, Saleng (cô gái Căm-Bốt trong phái đoàn) gọi tôi:

- Anh có muốn đi coi “Ông Thần Con Nít” không?

Tôi vừa nhai bánh vừa cười, hỏi đùa:

- Có Ông Thần Con Nít hả? Vậy Saleng làm ơn bồng ông Thần Bé-by ấy tới đây, tụi mình chụp hình phỏng vấn, chớ đi nữa thì... mệt quá rồi.

Saleng nghiêm sắc mặt:

- Anh chớ nói dỡn, Thần Con Nít thiêng lắm, Thần đã cứu nhiều người ta và đã đưa họ đến đây tị nạn.

Tôi hỏi một hơi:

- Sao cô biết? Thần con nít là Ông Thần gì? Ở Đâu? Cứu ai? Chuyện đầu đuôi ra sao?

Saleng liếc xéo tôi:

- Bộ anh muốn ghi vô biên bản phúc trình hả? Muốn biết thì đi! Đi tôi dẫn tới cho coi.

Tôi uống cạn ly cà-phê rồi ngoắc John cùng đi theo. Chúng tôi lên một ngọn đồi nhỏ, chung quanh toàn là dân di tản Căm-Bốt ở chen chúc dưới các lùm cây tàng lá. Những cảnh sống cơ cực hiện ra trước mắt trong suốt mấy ngày nay đã làm chúng tôi nhìn

quen rồi. Các em nhỏ, phần lớn là ở trần truồng, gầy gò, xanh xao và bệnh hoạn. Các ông già bà cả ngồi trầm lặng như những pho tượng. Nhiều cặp mắt lo âu nhìn về phía chúng tôi, không biết họ đang nghĩ gì. Nhưng có điều chắc chắn là nếu ai bảo họ trở lại với quê hương Cộng-Sản của họ thì họ lắc đầu cương quyết phản đối ngay.

Saleng dừng lại ở đỉnh đồi – nơi có những đá lớn chồng chất – trên một tảng đá, tôi thấy có bày biện như một bàn thờ, cắm nhiều cây nhang, có một cặp nến đỏ và mảnh vải trắng viết chữ Miên chằng chịt như một đạo bùa.

Một bày trẻ con chừng 20 đứa ôm o đang cầu kinh và ca hát chung quanh. Vài người lớn thấy chúng tôi, rê lại gần đứng nhìn. Đến gần bàn thờ, tôi và John đã ngạc nhiên khi nhận ra vị “Thần Con Nít” mà Saleng đặt tên cho, chính là tượng “Chúa Hải Đồng nằm trong máng cỏ”. Tượng bằng thạch cao lớn cỡ bằng quyển tự điển, một góc bị bể nên bàn chân Chúa mất một nửa.

Rất tự nhiên, John và tôi cùng quỳ gối xuống cạnh những em bé trần truồng. Chúng tôi làm dấu Thánh Giá. John hát lên một bài ca Sinh Nhật bằng tiếng Mỹ, tôi cũng ca tiếp bài “Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời...” Cử chỉ cung kính của chúng tôi trước vị Thần Con Nít đã phút chốc gây cảm tình với các em bé và bà con cô bác tị nạn Căm-Bốt. Số đông đã bu lại quanh chúng tôi có tới năm sáu chục người. Họ nói chuyện ồn ào, và Saleng làm nhiệm vụ thông dịch cho chúng tôi hiểu. Trong đám đông đó, Saleng dẫn tới giới thiệu với chúng tôi một bà già tên Lam-Pranak và con gái bà, bé Bòboul. Câu chuyện ly kỳ “Thần Bò-Boul” đã xảy ra với cho hai mẹ con bà, đầu đuôi thế này:

... Ông Lam-Pranak, vị đại úy thời Lon-Nol, bị Miên-Cộng hạ sát năm 1975. Hai đứa con trai của ông đã bị trói tay chân, ném vô lửa thiêu sống trước mắt ông, trước khi chúng bắn ông. Vợ ông và 4 đứa con khác trốn về tỉnh Kompong Kdey, một năm sau bị phát giác và cũng bị bắt. Miên-Cộng nhốt năm mẹ con bà Pranak cùng với khoảng 400 người khác thuộc “chế độ cũ” trong một Nhà Thờ Chánh Tòa đổ nát ở tỉnh nhỏ Khum Samrong. Chính tại nơi đó, con gái út của bà, em bé Bòboul, đã tìm thấy tượng Chúa Giêsu Hải Đồng nằm trong máng cỏ. Thoạt đầu, em chỉ thấy đẹp và muốn giữ chơi như một búp-bê. Nhưng rồi bà mẹ em đã nghiệm thấy dường như có một uy quyền, một phép lạ nào đó ẩn tàng trong búp-bê Thần này. Cứ mỗi lần Bòboul bị đau ốm, mà em được ôm lấy búp-bê Thần thì em liền được khỏi bệnh. Rồi nhiều em nhỏ khác bị nhốt trong Nhà Thờ đau ốm cũng đã được ơn cứu chữa ấy. Chí đến các người lớn bệnh hoạn cũng đã được khỏi khi cầu xin búp-bê Thần; và lòng sùng kính tôn thờ tự nhiên dâng lên. Trước con mắt nhòm ngó dữ dằn của bọn lính Miên-Cộng, những người tù khốn khổ trong Nhà Thờ đã không dám lập nên một bàn Thờ cho Vị “Chúa Con Nít” của họ. Đền đài của Chúa Giêsu Hải Đồng nơi đây chính là cái túi vải rách rưới đeo trên lưng em bé Bòboul, một đứa trẻ gầy gò bản thủ. Đến nỗi, chính danh hiệu cao cả của Chúa cũng chẳng ai biết nữa. Đoàn người tù tội đã dùng ngay tên em bé để gọi Chúa Giêsu Hải Đồng, bây giờ tên Ngài là “Thần Bòboul”.

Nhiều đêm, cửa Nhà Thờ mở ra, những họng súng chĩa vào, vài tên Miên-Cộng thò đầu vô gọi tên một số người. Những người bị gọi đi trong đêm sẽ không bao giờ trở lại. Họ đến quỳ gối bên em bé Bòboul, hôn tượng Chúa Giêsu Hải Đồng:

- Lạy Thần Bòboul, bây giờ con sắp đi vào cõi chết, con muốn khi chết đi được Thần Bòboul thương con, đem con về cõi Trời với Thần!

Cầu nguyện xong, họ hôn em Bòboul và ra đi vĩnh biệt, trong khi đó Bòboul vẫn ngủ say sưa không biết gì cả. Số tù nhân vô tội rơi xuống lần lần. Một đêm nọ, bà Pranak bị gọi tên. Bà choáng người như bị sét đánh, gọi cả bốn con dậy, mẹ con ôm lấy nhau khóc mướt rồi bà cầu nguyện:

- Lạy Thần của Bòboul, xin cứu con, xin cho con được sống với bốn đứa nhỏ này, cha nó đã bị bắn, hai anh nó đã bị đốt lửa; xin Thần hãy cứu con để chúng nó còn có mẹ, và để mẹ con chúng con suốt đời thờ lạy Thần.

Bà hôn các con rồi ra đi trong đêm tối theo lũ Miên-Cộng...

Chừng hơn 2 tiếng đồng hồ sau, cánh cửa hậu Nhà Thờ bỗng hé mở. Bà Pranak len lén bò vào. Bà thì thào với các con:

- Mẹ và nhiều người bị đẩy xuống một cái hố, tụi nó xả súng bắn càn rồi lấp đất lên, và bỏ đi. Mẹ không bị trúng đạn, moi đất chui lên được về đây với các con. Đúng là Thần của Bòboul đã cứu mẹ!

Năm mẹ con lại ôm nhau khóc... và tạ ơn Thần. Việc bà thoát chết, mò mẫm đêm khuya trở lại Nhà Thờ (đúng ra là nhà tù), cũng như việc lính gác ngủ vùi và cửa Nhà Thờ hé mở, cho đến bây giờ, bà Pranak vẫn không hiểu tại sao được như vậy. Bà chỉ một mực tin rằng đó chính là Thần Bò-Boul ra ơn cứu mạng.

Ngày chế độ Pol-Pot bị lật đổ, bọn lính canh tù trước khi tháo chạy đã thả đại vô Nhà Thờ, 3 trái lựu đạn. Bé Bòboul thất kinh, cảm tượng giơ ra ngăn cản. Lạ thay, cả 3 quả đạn đều tịt ngòi lăn long lóc trên nền Nhà Thờ. Một người trong toán tù đã liều mình nhặt vút ra ngoài. Khi quả lựu đạn cuối cùng ném ra khỏi cửa sổ, cả 3 đã phát nổ dữ dội khoét thủng một lỗ ở chân tường, và do đó đoàn tù đã thoát ra rồi tản mác, mạnh ai nấy chạy trốn vượt biên giới qua Thái-Lan tị nạn.

Bé Bòboul lạc gia đình, một mình chạy nhủi ở trong rừng, hết lòng cầu xin, hai ngày sau thì gặp lại được mẹ và anh em như cũ. Khi năm mẹ con dắt díu nhau vượt biên tại Ban-Nong-Pru, chính là chỗ quân đội hai nước canh phòng biên giới, đang ghìm nhau rất cẩn mật. Bé Bòboul cảm tượng Chúa đi trước dẫn đầu cho gia đình đi ngang qua hai trạm lính canh gác, lạ thay, họ thấy lính Miên-Cộng và lính gác Thái đều ôm súng ngủ khì. Câu chuyện thuật lại tưởng như khôi hài và hoang đường vậy. John tỏ ra đặc biệt chú trọng đến mọi chi tiết của câu chuyện. Anh hỏi và Saleng thông ngôn:

- Cho đến nay, Chúa Hải Đồng còn tiếp tục làm phép lạ không?

Bà Pranak trả lời:

- Không! Không phải phép lạ, Thần của Bòboul không làm phép lạ ra lửa, ra ánh sáng đâu. Thần chỉ cứu người thôi. Ai cầu xin Thần sẽ được, nhưng phải ở hiền, ở tốt, đừng có dữ dằn, ai yêu thương người ta, Thần của Bòboul mới cho ơn. Thần còn cho ơn nhiều nhiều, phải tin Thần thì mới được chứ!

Tôi ngạc nhiên đến sững sờ nhìn bà Pranak, có phải bà vừa đọc một đoạn Thánh Kinh nào đó cho tôi nghe không? Tôi nhìn kỹ mặt bà, gương mặt cần cỗi xám xịt, hàm răng vàng khè, cặp mắt đục và mệt mỏi. Bà quê kệch, xấu xí và rách rưới hôi hám nữa, nhưng tâm hồn bà dường như tràn ngập Niềm Tin và sự vui mừng. Bốn đứa nhỏ của bà cùng với lũ trẻ tị nạn khác đang xúm quanh John nhai kẹo cao-su. John nhờ Saleng giảng dịch cho chúng hiểu sơ lược về Chúa Cứu Thế, mà bức tượng của Bòboul chính là Thánh tượng Ngài. Thật mà nói, tôi thấy lũ nhỏ chăm chú vào việc nhai kẹo nhiều hơn là lắng nghe câu chuyện Thánh Sử. Khi chúng tôi từ biệt bà con tị nạn để về lều, John chưa kịp nói lời Good Night thì một thanh niên chạy tới rồi rít lên:

- Đem Thần của Bòboul tới mau, xin cứu vợ tôi, nó sắp đẻ rồi, chẳng có cô mục bác sĩ gì ráo, khéo nó chết mất! Lạy Thần, xin cho vợ con của con được sống.

Tượng Chúa Hài Đồng được rước đi tức khắc. Chúng tôi cũng cấp tốc trở về lều. Khi John trở lại với một bác sĩ thì mọi sự đã xong. Một em bé tị nạn đã sinh ra bằng yên. Người sản phụ đang thiu thiu ngủ, và người chồng đang quỳ dưới đất chấp tay lạy Chúa Hài Đồng như tế sao.

...



Bà Rosalynn Carter, sau này khi đến thăm trại, đã bồng đứa bé đó trên tay và ứa lệ nói rằng: “*I want to go home as fast as I can and mobilize people and do all we can to help the people here*”. (Tôi muốn trở về Mỹ càng sớm càng tốt để vận động dân chúng làm tất cả những gì chúng ta có thể làm được để giúp dân chúng nơi đây).

Trần Quốc Bảo

Richmond, Virginia

Địa chỉ điện thư của tác giả:

quocbao_30@yahoo.com